

V/v phương thức vận hành Hệ thống
điện Lâm Đồng (Cơ sở 3) tuần 10/2026
(từ ngày 02/03/2026 đến ngày
08/03/2026).

Kính gửi:

- Xí nghiệp Lưới điện Cao thế Lâm Đồng;
- Đội Quản lý điện Đắk R'Lấp;
- Đội Quản lý điện Tuy Đức;
- Đội Quản lý điện Gia Nghĩa;
- Đội Quản lý điện Đắk Song;
- Đội Quản lý điện Đắk Mil;
- Đội Quản lý điện Cư Júc;
- Đội Quản lý điện Krông Nô.

Căn cứ Thông tư 06/2025/TT-BCT, ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ Công Thương quy định Quy trình Điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;

Công ty Điện lực Lâm Đồng thông báo phương thức vận hành tuần 10/2026 (từ ngày 02/03/2026 đến ngày 08/03/2026) với các nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHƯƠNG THỨC TUẦN 08/2026

1. Tình hình phụ tải.

a. Công suất max:

- Cao điểm: 173,7 (MW)
- Ban ngày: 137,0 (MW)
- Thấp điểm: 68,4 (MW)

b. Sản lượng:

| | | | |
|----------------------------|-------------------|---------------------|--------|
| b1. Sản lượng phát: | 12.530,018 (Mwh); | so với đăng ký đạt: | 83,20% |
| - Thủy điện B1: | 21,680 (Mwh); | so với đăng ký đạt: | 40,15% |
| - Thủy điện B2: | 1,008 (Mwh); | so với đăng ký đạt: | 0,35% |
| - Thủy điện B3: | 17,988 (Mwh); | so với đăng ký đạt: | 40,70% |
| - Thủy điện B4: | 28,404 (Mwh); | so với đăng ký đạt: | 32,65% |
| - Thủy điện B5: | 526,600 (Mwh); | so với đăng ký đạt: | 69,66% |

| | | | |
|---------------------------------|------------|----------------------------|---------|
| - Thủy điện B6: | 3,017 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 1,04% |
| - Thủy điện B7: | 28,864 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 13,09% |
| - Thủy điện B8: | 416,693 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 65,98% |
| - Thủy điện B9: | 1,001 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 7,82% |
| - Thủy điện B10: | 30,974 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 14,05% |
| - Thủy điện B11: | 20,149 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 4,98% |
| - Thủy điện B12: | 544,845 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 40,54% |
| - Thủy điện B13: | 290,961 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 28,87% |
| - ĐMTMN | 10.597,837 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 109,26% |
| b2. Sản lượng nhận lưới: | 9.938,186 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 112,30% |
| - Trạm 110kV ĐNO: | 1.839,313 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 107,56% |
| - Trạm 110kV CJU: | 1.816,662 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 125,29% |
| - Trạm 110kV ĐMI: | 1.490,329 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 99,36% |
| - Trạm 110kV ĐSO: | 1.376,407 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 84,96% |
| - Trạm 110kV ĐRL: | 744,661 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 103,43% |
| - Trạm 110kV KRN: | 656,245 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 60,21% |
| - Trạm 110kV ĐRL2: | 516,169 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 78,21% |
| - Trạm 110kV Alumin: | 1.498,400 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 115,26% |
| b3. SL phát ngược: | 4.284,040 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 115,47% |
| b4. Tổng sản lượng: | 18.184,164 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 90,02% |
| b5. Sản lượng tb ngày: | 2.607,486 | (Mwh); so với đăng ký đạt: | 90,35% |

c. So sánh tình hình phụ tải với tuần trước:

| Stt | Hệ thống điện | Tuần 08/2026 | Tuần 07/2026 | So sánh (%) |
|-----|----------------------------|--------------|--------------|-------------|
| 1. | Tổng sản lượng tuần (kWh) | 18.252.405 | 22.435.649 | 81,35% |
| 2. | Sản lượng tb ngày (kWh) | 2.607.486 | 3.205.093 | 81,35% |
| 3. | Sản lượng ngày max (kWh) | 3.253.426 | 3.363.007 | 96,74% |
| 4. | Sản lượng ngày min (kWh) | 2.141.546 | 2.913.981 | 73,49% |
| 5. | Công suất phụ tải max (MW) | 175,3 | 185,2 | 94,68% |
| 6. | Công suất phụ tải min (MW) | 68,4 | 83,3 | 82,08% |

d. Tình hình sa thải phụ tải, tiết giảm công suất trong tuần 08/2026

| Stt | Tiết giảm phụ tải theo | Số lần | Ước tính SL không cung cấp được (kWh) |
|-----|-------------------------|----------|---------------------------------------|
| 1. | Tiết giảm phụ tải theo: | 0 | 0 |
| 2. | Lệnh A2 | 0 | 0 |
| 3. | Bảo vệ F81 tác động | 0 | 0 |
| 4. | Tổng | 0 | 0 |

e. Mức độ mang tải của các thiết bị trong tuần 08/2026

| Stt | Thiết bị | Tổng ĐD/MBA | Số lượng ĐD/MBA mang tải $\geq 90\%$ | Số lần xuất hiện | | | |
|-----|---------------|-------------|--------------------------------------|------------------|-------------|----------|------|
| | | | | 90÷100 [%] | 100÷110 [%] | >110 [%] | Tổng |
| 1. | MBA 110kV | 13 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2. | ĐD 35kV, 22kV | 36 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

f. Chất lượng điện áp: Điện áp tại các nút đều nằm trong giới hạn cho phép theo TT05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng.

2. Tình hình sự cố trên lưới phân phối trong tuần 08/2026

a. Sự cố mất điện toàn bộ HTĐ.ĐNo do nguồn Quốc gia: 0 (lần)

b. Sự cố mất điện một phần HTĐ.ĐNo do nguồn Quốc gia: 0 (lần)

c. Sự cố vĩnh cửu theo đối tượng: 0 (lần)

| Đối tượng | Số lần | Tổng SL không cấp được (kWh) |
|--------------------------------|----------|------------------------------|
| Trên lưới 35kV | 0 | 0 |
| Trên lưới 22kV | 0 | 0 |
| Trên lưới 110kV | 0 | 0 |
| Tại trạm trung gian, trạm nâng | 0 | 0 |
| Tổng | 0 | 0 |

d. Sự cố vĩnh cửu phân theo nguyên nhân: 0 (lần)

| Nguyên nhân | Số lần | Nguyên nhân | Số lần |
|---|--------|--|--------|
| Do phóng sứ | 0 | Do sự cố về MC, Recloser, LBS | 0 |
| Do đứt dây | 0 | Do sự cố về FCO, LBFCO, DCL | 0 |
| Do đứt lèo | 0 | Do sự cố tụ bù, TU, TI, tủ hợp bộ | 0 |
| Do đứt chì | 0 | Do tiếp xúc xấu và chạm chập trên lưới | 0 |
| Do cây trong, ngoài hành lang tuyến, động vật | 0 | Do quá tải MBA phân phối | 0 |
| Giông sét, gió lốc, thiên tai | 0 | Hỏng phụ kiện | 0 |
| Do hỏng MBA, CSV | 0 | Sự cố thiết bị khách hàng, lý do khác | 0 |

e. Sự cố thoáng qua, MC tác động, TĐL không làm việc, ĐH ĐL thành công: 0 (lần)

| Đối tượng | Số lần | Tổng SL không cấp được (kWh) |
|--------------------------------|---------------|-------------------------------------|
| Trên lưới 35kV | 0 | 0 |
| Trên lưới 22kV | 0 | 0 |
| Trên lưới 110kV | 0 | 0 |
| Tại trạm trung gian, trạm nâng | 0 | 0 |
| Tổng | 0 | 0 |

f. Sự cố thoáng qua, MC tác động, TĐL tác động thành công: 0 (lần)

| Đối tượng | Số lần | Tổng SL không cấp được (kWh) |
|--------------------------------|---------------|-------------------------------------|
| Trên lưới 35kV | 0 | 0 |
| Trên lưới 22kV | 0 | 0 |
| Trên lưới 110kV | 0 | 0 |
| Tại trạm trung gian, trạm nâng | 0 | 0 |
| Tổng | 0 | 0 |

3. Tình hình phục vụ công tác sửa chữa:

- a. Theo kế hoạch: 00 lần (Phụ lục 01 đính kèm).
- b. Cắt điện kết hợp: 00 lần (Phụ lục 02 đính kèm).
- c. Cắt điện ngoài kế hoạch: 00 lần (Phụ lục 03 đính kèm).

4. Một số nhận xét tình hình cung cấp điện lưới phân phối 08/2026

- a. Hệ thống điện Lâm Đồng (Cơ sở 3) vận hành ổn định.
- b. Tổng sản lượng Lâm Đồng (Cơ sở 3) trong tuần 08/2026 là: 18.252.405 (kWh), bằng 81,35% so với tuần trước.
- c. Sản lượng trung bình ngày tuần 08/2026 đạt: 2.607.486 (kWh)
- d. Sản lượng ngày cao nhất tuần 08/2026 đạt: 3.253.426 (kWh)
- e. Công suất ngày cao nhất tuần 08/2026 đạt: 175,3 (MW)

II. PHƯƠNG THỨC VẬN HÀNH TUẦN 10/2026:

1. Kết dây cơ bản:

1.1. Kết dây cơ bản lưới 110kV.

- a. Trạm 110kV Cư Jút (CJU), Đắc Mil (ĐMI), Đắc Song (ĐSO) nhận điện trực tiếp từ TBA 220kV Đắc Nông và TBA 110kV Hòa Phú thông qua các đường dây 110kV Hòa Phú – Cư Jút và Đắc Song – Đắc Nông/220kV.
- b. Trạm 110kV Đắc Nông (ĐNO) nhận điện trực tiếp từ TBA 220kV Đắc Nông thông

qua đường dây 110kV mạch kép Đắc Nông (ĐNO) – Đắc Nông/220kV.

c. Trạm 110kV Đắc R’Lấp 2 (ĐRL2), Đắc R’Lấp (ĐRL) nhận điện từ TBA 220kV Đắc Nông thông qua đường dây 110kV Đắc Nông/220kV – Alumin Nhân Cơ.

d. Trạm 110kV Krông Nô (KRN) nhận điện từ TBA 220kV NMTĐ Buôn Kuốp thông qua các đường dây 110kV Buôn Kuốp - Krông Nô.

1.2. Kết dây cơ bản lưới Trung áp.

a. Phía 22kV của T1 và T2 (ĐNO) vận hành song song cấp điện cho ĐD470ĐNO, ĐD472ĐNO, ĐD474ĐNO, ĐD475ĐNO, ĐD476ĐNO, ĐD478ĐNO và ĐD481ĐNO; Nguồn B3 hoà song song với nguồn quốc gia thông qua ĐD474ĐNO; Nguồn B4 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD478ĐNO; Nguồn B5 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD471ĐNO và ĐD473ĐNO; Nguồn thủy điện B7 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD471B7; Nguồn B8 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD471B8 và ĐD476ĐNO. Nguồn B9 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD475ĐNO; Nguồn B10 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD471B10 và ĐD470ĐNO.

b. Nguồn B2 hoà song song nguồn Quốc gia thông qua ĐD471B2 cấp điện lên TC C42 (trạm 110kV ĐRL); Nguồn B6 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD471B6 cấp điện lên TC C42 (trạm 110kV ĐRL) cấp điện cho ĐD472ĐRL, ĐD474ĐRL.

c. Phía 35kV của T1(CJU) cấp điện ĐD371CJU.

d. Phía 22kV của T1(CJU) cấp điện cho ĐD473CJU, ĐD475CJU, ĐD477CJU, ĐD479CJU, ĐD481CJU.

e. Phía 22kV của T2(CJU) cấp điện cho ĐD472CJU, ĐD474CJU, ĐD478CJU, ĐD482CJU.

f. Phía 22kV của T1 và T2 (ĐMI) vận hành song song cấp điện cho ĐD471ĐMI, ĐD473ĐMI, ĐD472ĐMI, ĐD474ĐMI, ĐD476ĐMI và ĐD478ĐMI.

g. Phía 22kV của T1 và T2 (ĐSO) vận hành song song cấp điện cho ĐD471ĐSO, ĐD473ĐSO, ĐD475ĐSO, ĐD474ĐSO, ĐD476ĐSO, ĐD478ĐSO. Nguồn B1 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD475ĐSO.

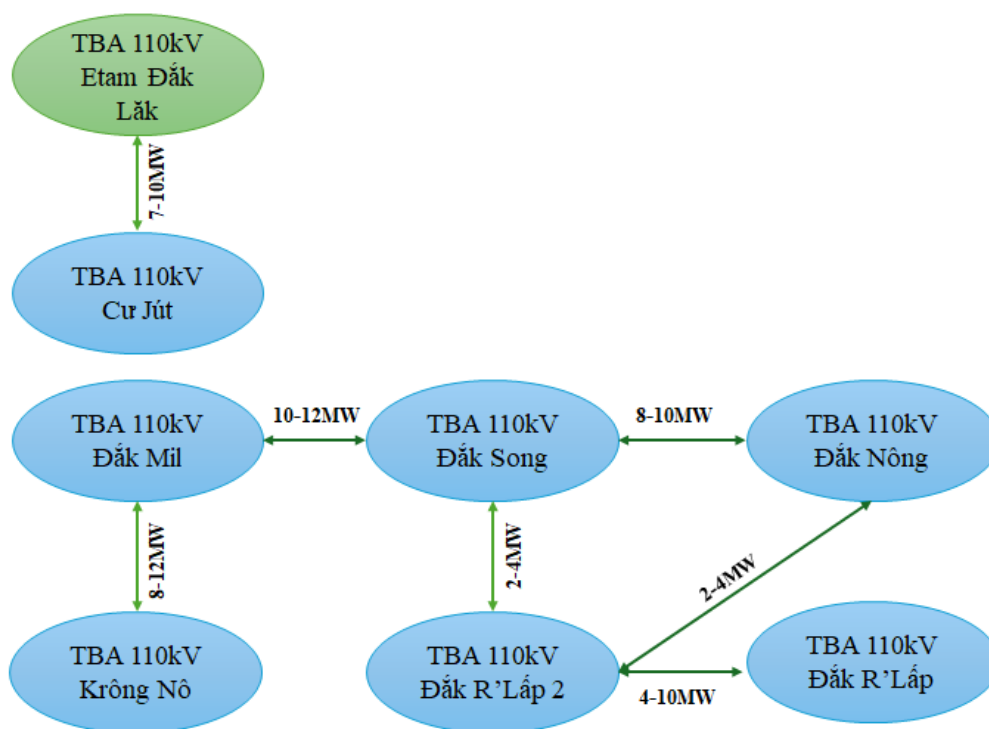
h. Phía 22kV của T1 (ĐRL2), T2 (ĐRL2) cấp điện cho ĐD471ĐRL2, ĐD473ĐRL2, ĐD475ĐRL2, ĐD477ĐRL2 và ĐD479ĐRL2.

i. Phía 22kV của T1 (KRN), T2 (KRN) cấp điện cho ĐD471KRN, ĐD473KRN, ĐD475KRN, ĐD477KRN, ĐD479KRN. Nguồn B11 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD475KRN; Nguồn B12 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD471KRN; Nguồn B13 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua XT481KRN.

1.3. Kết dây lưới Trung áp trong trường hợp sự cố.

a. Điều độ viên Lâm Đồng CS3 căn cứ tình hình vận hành thực tế lưới điện đảm bảo chuyên phương thức cấp nguồn linh hoạt giữa các TBA nguồn và các đường dây liên lạc, đảm bảo không bị quá tải đường dây và TBA nguồn trong trường hợp sự cố.

b. Khả năng chuyển tải trung áp giữa các TBA 110kV lưới điện Lâm Đồng (Cơ sở 3):



2. Dự kiến phụ tải:

2.1. Dự kiến phụ tải tuần:

| Ngày | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7 | Chủ nhật | Pmax/Pmin/A tổng |
|----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|----------|------------------|
| Pmax (MW) | 180.0 | 182. | 215.8 | 180.2 | 177.2 | 180.7 | 170.1 | 215.8 |
| Pmin (MW) | 81.9 | 79.8 | 80.9 | 79.3 | 71.0 | 82.1 | 78.0 | 71.0 |
| Angày (Tr.kWh) | 3,49 | 3,55 | 3,36 | 3,36 | 3,3 | 3,23 | 3,19 | 23,48 |

2.2. Sản lượng tuần (kWh):

- a. Toàn hệ thống: 23.404.200 (kWh)
- b. Sản lượng phát: 14.074.200 (kWh)
- Thủy điện B1: 36.000 (kWh)
 - Thủy điện B2: 192.500 (kWh)
 - Thủy điện B3: 30.000 (kWh)
 - Thủy điện B4: 45.000 (kWh)
 - Thủy điện B5: 688.500 (kWh)
 - Thủy điện B6: 192.500 (kWh)

| | | |
|-----------------------|------------|-------|
| - Thủy điện B7: | 157.500 | (kWh) |
| - Thủy điện B8: | 583.000 | (kWh) |
| - Thủy điện B9: | 7.200 | (kWh) |
| - Thủy điện B10: | 220.500 | (kWh) |
| - Thủy điện B11: | 216.000 | (kWh) |
| - Thủy điện B12: | 1.344.000 | (kWh) |
| - Thủy điện B13: | 661.500 | (kWh) |
| - ĐMTMN | 9.700.000 | (kWh) |
| c. Phát lên hệ thống: | 5.800.000 | (kWh) |
| d. Nhận lưới: | 15.130.000 | (kWh) |
| - Trạm 110kV ĐNO: | 2.600.000 | (kWh) |
| - Trạm 110kV CJU: | 3.700.000 | (kWh) |
| - Trạm 110kV ĐMI: | 2.460.000 | (kWh) |
| - Trạm 110kV ĐSO: | 2.310.000 | (kWh) |
| - Trạm 110kV ĐRL: | 680.000 | (kWh) |
| - Trạm 110kV KRN: | 1.060.000 | (kWh) |
| - Trạm 110kV ĐRL2: | 370.000 | (kWh) |
| - Trạm 110kV Alumin: | 1.950.000 | (kWh) |

3. Chế độ vận hành các nguồn điện khác: Các Nhà máy thủy điện thuộc quyền điều khiển Điều độ viên Lâm Đồng CS3 vận hành theo biểu đồ phát điện tuần đã được phê duyệt.

4. Đánh giá khả năng đảm bảo cung cấp điện: Bảo đảm cung cấp điện; Không xảy ra tình trạng thiếu hụt công suất.

5. Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện:

5.1. Kế hoạch công tác trên lưới điện 110kV và trung áp tuần 10/2026: Phụ lục 4 đính kèm.

5.2. Lịch cắt điện công tác trên lưới hạ áp tuần 10/2026: Phụ lục 5 đính kèm.

5.3. Kế hoạch công tác Hotline trên lưới tuần 10/2026: Phụ lục 6 đính kèm.

5.4. Dự kiến kế hoạch công tác trên lưới điện tuần 11/2026: Phụ lục 7 đính kèm.

5.5. Kế hoạch công tác kiểm tra định kỳ, phát quang hành lang lưới 110kV tuần 10/2026: Xí nghiệp Lưới điện cao thế Lâm Đồng thực hiện theo kế hoạch đăng ký tuần [Lưu ý đường dây đang mang điện vận hành].

6. Dự kiến biểu đồ điện áp tại thanh cái các trạm 110kV tỉnh Lâm Đồng (Cơ sở 3) tuần 10/2026: Phụ lục 8 đính kèm.

7. Kế hoạch thử nghiệm, thí nghiệm: Không có.

8. Các vấn đề khác liên quan:

a. Các Đơn vị QLVH căn cứ kế hoạch bố trí cắt điện thông báo mất điện đến khách hàng theo đúng quy định tại Thông tư 04/2025/TT-BCT [Các công tác có mất điện phải lập

lịch OMS (trường hợp có nguyên nhân miễn trừ theo Thông tư trên chương trình OMS phải lập hồ sơ miễn trừ)].

b. Các Đơn vị QLVH tăng cường giám sát, kiểm tra thiết bị, đường dây để kịp thời phát hiện và khắc phục khiếm khuyết, hạn chế tối đa sự cố, đảm bảo cung cấp điện an toàn, tin cậy.

c. Đề hạn chế ảnh hưởng đến việc ngừng, giảm cung cấp điện đến khách hàng, đề nghị các Đơn vị QLVH thực hiện công tác cô lập, khôi phục trả lưới theo đúng thời gian thông báo.

d. Đối với kế hoạch công tác đã bố trí, trước thời điểm thực hiện công tác, các Đơn vị QLVH lưu ý phối hợp với UBND Xã, Phường trong phạm vi quản lý để nắm bắt tình hình đảm bảo cấp điện trên địa bàn (nếu có), [Trường hợp kế hoạch cắt điện nằm trong khu vực có yêu cầu cấp điện, các Đơn vị QLVH lập phương án đảm bảo cấp điện (Có bố trí máy phát dự phòng)].

9. Lưu ý: Không./.

Nơi nhận:

- SSO (bản fax);
- Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng (thay b/cáo);
- Ban Giám đốc Công ty (để chỉ đạo);
- KT, KHVT, AT, ĐT, KD, QLDA;
- TND;
- VP (Công bố Website PCLĐ);
- NMTĐ B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, B9, B10, B11, B12, B13 (bản fax, mail);
- Lưu: VT, ĐĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Kim Tứ

Phụ lục 1: Tình hình phục vụ công tác sửa chữa:

| Stt | Đối tượng cắt điện | Thời gian công tác dự kiến | | | | Đơn vị công tác và nội dung công việc | Thời gian công tác thực tế | | | | A _{mất} (kWh) |
|-------------|--------------------|----------------------------|--|-----|--|---------------------------------------|----------------------------|--|-----|--|---------------------------|
| | | Từ | | Đến | | | Từ | | Đến | | |
| | | | | | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | | | | | 0 |

Phụ lục 2: Cắt điện kết hợp:

| Stt | Đối tượng cắt điện | Thời gian công tác dự kiến | | | | Đơn vị công tác và nội dung công việc | Thời gian công tác thực tế | | | | A _{mất} (kWh) |
|-----|--------------------|----------------------------|--|-----|--|---------------------------------------|----------------------------|--|-----|--|---------------------------|
| | | từ | | đến | | | từ | | đến | | |
| | | | | | | | | | | | |

Phụ lục 3: Cắt điện ngoài kế hoạch:

| Stt | Đối tượng cắt điện | Thời gian công tác dự kiến | | | | Đơn vị công tác và nội dung công việc | Thời gian công tác thực tế | | | | A _{mất} (kWh) | Độ tin cậy (SAIDI) |
|-------------|--------------------|----------------------------|--|-----|--|---------------------------------------|----------------------------|--|-----|--|---------------------------|-----------------------|
| | | từ | | đến | | | từ | | đến | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | | | | | 0 | 0,000 |

Phụ lục 4: Lịch công tác trên lưới điện 110kV và trung áp tuần 10/2026:

| Stt | Đối tượng cô lập | Thời gian cắt điện | | | | Đơn vị công tác và nội dung công việc | Thời gian công tác | | | | Độ tin cậy (SAIDI) | Ghi chú | ĐV QL VH |
|-----|--|--------------------|------|-------|-------|--|--------------------|------|-------|-------|-----------------------|---|----------|
| | | từ | | đến | | | từ | | đến | | | | |
| 1. | MBA T2, CS1T2, CS4T2, MC132, MC432/TBA 110kV Đắc R'Lấp | 03/03 | 5:00 | 05/03 | 23:30 | - Công ty CP đầu tư và phát triển công nghiệp Thịnh Phát: Thi công lắp đặt, lọc dầu, Thay MBA T2-25MVA bằng MBA 40MVA kèm đầy đủ phụ kiện đấu nối. Kéo cáp nhĩ thứ, đấu nối hoàn thiện và thí nghiệm hiệu chỉnh MBA T2 TBA 110kV Đắc R'Lấp. - Xí nghiệp LĐCT Lâm Đồng vệ sinh bảo dưỡng MC132, 432; T1132, T1432; CS1T2/Đắc R'Lấp | 03/03 | 5:30 | 05/03 | 23:00 | 0,000 | Chuyển ĐD474ĐRL (sau MC462) nhận điện ĐD475ĐRL2; Chuyển TC C42/Đắc R'Lấp sang nhận điện từ | XNLD |

| | | | | | | | | | | | | | |
|----|--|-------|------|-------|-------|--|-------|------|-------|-------|-------|---|------|
| | | | | | | | | | | | | <i>ĐD479ĐRL2 cấp điện cho ĐD472ĐRL và phần còn lại của ĐD474ĐRL. Khống chế Công suất HT ĐMTMN trong thời gian công tác; Huy động B2, B6~0~5MW</i> | |
| 2. | ĐD476ĐMI (sau DCL400-67) | 04/03 | 7:30 | 04/03 | 15:30 | Điện lực Đắk Song vệ sinh, bảo dưỡng đường dây trung áp và TBA từ trụ 264/2 đến trụ 264/6(ĐD476ĐMI) | 04/03 | 8:00 | 04/03 | 15:00 | 0,005 | | ĐLĐS |
| 3. | ĐD474ĐRL [sau DCL400-129] đến sau DCL400-111(ĐD475ĐRL2)] | 06/03 | 8:00 | 06/03 | 15:00 | Điện lực Đắk R'Lấp xử lý cột mất an toàn không đảm bảo vận hành tại cột 135/219/3 (ĐD474ĐRL) và kết hợp bảo dưỡng đường dây trung hạ áp và TBA; khoảng cách pha đất mất an toàn ; tháo bọc Silicol tại các khoảng cột 135/219/1-135/219/68, khoảng cột 135/219 – 135/269(ĐD474ĐRL), khoảng cột 135/224/1 – 135/224/123(ĐD474ĐRL), khoảng cột 135/260/1 – 135/260/68(ĐD474ĐRL) và các nhánh rẽ. công trình SCL năm 2026 | 06/03 | 8:30 | 06/03 | 14:30 | 5,668 | | ĐLĐL |
| 4. | ĐD474ĐRL [sau DCL400-129] đến sau DCL400-111(ĐD475ĐRL2)] | 06/03 | 8:00 | 06/03 | 15:00 | Công ty TNHH Phan An Phát thi công trồng xen trụ xử lý mất an toàn tại khoảng trụ 135/224/81 đến trụ 135/224/82(ĐD474ĐRL), thuộc phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc: dự án Cải tạo, nâng cấp cục bộ Tỉnh lộ 5. | 06/03 | 8:30 | 06/03 | 14:30 | 0,000 | | ĐLĐL |
| 5. | ĐD473ĐSO (sau FCO400-110) | 07/03 | 7:30 | 07/03 | 15:30 | Điện lực Đắk Song vệ sinh, bảo dưỡng đường dây trung áp và TBA từ trụ 430/11/101 đến trụ 430/11/236(ĐD473ĐSO) | 07/03 | 8:00 | 07/03 | 15:00 | 0,882 | | ĐLĐS |
| 6. | ĐD474ĐRL (sau DCL400-10) | 07/03 | 8:00 | 07/03 | 15:00 | Điện lực Đắk R'Lấp bảo dưỡng đường dây trung áp và TBA, thay sứ phóng, tháo bọc cách điện tại khoảng cột 120/5-120/111 (ĐD474ĐRL) và các nhánh rẽ. | 07/03 | 8:30 | 07/03 | 14:30 | 1,302 | | ĐLĐL |

| | | | | | | | | | | | | | |
|-------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--------------|--|--|
| Tổng | | | | | | | | | | | 7,856 | | |
|-------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--------------|--|--|

Phụ lục 5: Lịch cắt điện công tác trên lưới điện hạ áp tuần 10/2026:

| Stt | Đối tượng cô lập | Thời gian cắt điện | | | | Đơn vị công tác và nội dung công việc | Thời gian công tác | | | | Độ tin cậy (SAIDI) | Ghi chú | ĐV QLVH |
|-------------|------------------------|--------------------|-------|-------|-------|---|--------------------|-------|-------|-------|-----------------------|---------|------------|
| | | từ | | đến | | | từ | | đến | | | | |
| 1. | TBA T56(ĐD481CJU) | 03/05 | 8:00 | 03/05 | 12:00 | Điện lực Cư Jút hoán chuyển MBA của TBA T56 (ĐD481CJU) sang TBA T2023(ĐD483CJU) | 03/05 | 8:00 | 03/05 | 12:00 | 0,114 | | ĐLCJ |
| 2. | TBA T2023(ĐD483CJU) | 03/05 | 8:00 | 03/05 | 12:00 | Điện lực Cư Jút hoán chuyển MBA của TBA T2023 (ĐD483CJU) sang TBA T56(ĐD481CJU) | 03/05 | 8:00 | 03/05 | 12:00 | 0,032 | | ĐLCJ |
| 3. | TBA T114(ĐD479CJU) | 03/05 | 8:00 | 03/05 | 12:00 | Điện lực Cư Jút xử lý phát nhiệt kết hợp bảo trì, bảo dưỡng TBA T114(ĐD479CJU) | 03/05 | 8:00 | 03/05 | 12:00 | 0,001 | | ĐLCJ |
| 4. | TBA T25(ĐD478ĐMI) | 03/03 | 8:00 | 03/03 | 14:00 | Điện lực Đăk Mil thay MBA 160kVA-22/0.4kV bằng MBA 250kVA-22/0.4kV tại TBA T25(ĐD478ĐMI) để chống quá tải | 03/03 | 8:00 | 03/03 | 14:00 | 0,002 | | ĐLĐM |
| 5. | TBA T56(ĐD478MI) | 03/03 | 8:30 | 03/03 | 11:30 | Điện lực Đăk Mil châm dầu MBA TBA T56(ĐD478MI) | 03/03 | 8:30 | 03/03 | 11:30 | 0,135 | | ĐLĐM |
| 6. | TBA T1(ĐD478MI) | 03/03 | 13:30 | 03/03 | 16:30 | Điện lực Đăk Mil xử lý chảy dầu MBA TBA T1(ĐD478MI) | 03/03 | 13:30 | 03/03 | 16:30 | 0,156 | | ĐLĐM |
| 7. | TBA T206(ĐD478MI) | 03/03 | 13:30 | 03/03 | 16:30 | Điện lực Đăk Mil xử lý chảy dầu MBA TBA T206(ĐD478MI) | 03/03 | 13:30 | 03/03 | 16:30 | 0,112 | | ĐLĐM |
| 8. | TBA T70(ĐD471MI) | 04/03 | 8:30 | 04/03 | 11:30 | Điện lực Đăk Mil xử lý chảy dầu MBA TBA T70(ĐD471MI) | 04/03 | 8:30 | 04/03 | 11:30 | 0,337 | | ĐLĐM |
| 9. | TBA T55(ĐD471MI) | 04/03 | 8:30 | 04/03 | 11:30 | Điện lực Đăk Mil xử lý chảy dầu MBA TBA T55(ĐD471MI) | 04/03 | 8:30 | 04/03 | 11:30 | 0,330 | | ĐLĐM |
| 10. | TBA T2A(ĐD471MI) | 07/03 | 8:30 | 07/03 | 11:30 | Điện lực Đăk Mil xử lý phát nhiệt đầu ra của ATM nhánh A TBA T2A(ĐD471MI) | 07/03 | 8:30 | 07/03 | 11:30 | 0,193 | | ĐLĐM |
| 11. | TBA T147(ĐD473ĐRL2) | 05/03 | 8:00 | 05/03 | 14:00 | Điện lực Đăk R'Lấp thay CSV pha B tại TBA T147 (ĐD473ĐRL2) | 05/03 | 8:00 | 05/03 | 14:00 | 0,096 | | ĐLĐL |
| Tổng | | | | | | | | | | | 1,508 | | |

Phụ lục 6: Kế hoạch công tác Hotline trên lưới tuần 10/2026:

| Stt | Đối tượng (Khóa chức năng F79 tự đóng lặp lại và không đóng bằng tay) | Thời gian công tác dự kiến | | Đơn vị công tác và nội dung công việc | Thời gian công tác | | Ghi chú | ĐV QLVH |
|-----|--|-------------------------------|-----|---------------------------------------|--------------------|-----|---------|---------|
| | | từ | đến | | từ | đến | | |
| | | | | | | | | |

Phụ lục 7: Dự kiến kế hoạch công tác trên lưới tuần 11/2026:

| Stt | Đối tượng cắt điện | Thời gian cắt điện dự kiến | | Đơn vị công tác và nội dung công việc | Thời gian cắt điện thực tế | | Amát (kWh) | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-------------------------------|-----|---------------------------------------|-------------------------------|-----|---------------|------------|
| | | từ | đến | | từ | đến | | |
| | | | | | | | | |

Phụ lục 8: Dự kiến biểu đồ điện áp tại thanh cái các trạm 110kV tỉnh Lâm Đồng (Cơ sở 3) tuần 10/2026:

| Trạm | Cấp điện áp | từ | đến | từ | đến | từ | đến | từ | đến | từ | đến | từ | đến | từ | đến | từ | đến |
|-------|----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| | | 00h01 | 05h30 | 05h31 | 07h00 | 07h01 | 11h00 | 11h01 | 12h30 | 12h31 | 16h30 | 16h31 | 20h00 | 20h01 | 22h00 | 22h01 | 24h00 |
| CJU | 110 | 118±2 | | 118±2 | | 117±2 | | 117±2 | | 116±2 | | 118±2 | | 116±2 | | 116±2 | |
| | 35 | 36.9 | 38.2 | 36.9 | 38.2 | 36.6 | 37.9 | 36.6 | 37.9 | 36.3 | 37.5 | 36.9 | 38.2 | 36.3 | 37.5 | 36.3 | 37.5 |
| | 22 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.0 | 23.8 | 23.0 | 23.8 | 22.8 | 23.6 | 23.2 | 24.0 | 22.8 | 23.6 | 22.8 | 23.6 |
| ĐMI | 110 | 118±2 | | 118±2 | | 117±2 | | 118±2 | | 117±2 | | 118±2 | | 116±2 | | 117±2 | |
| | 22 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.0 | 23.8 | 23.2 | 24.0 | 23.0 | 23.8 | 23.2 | 24.0 | 22.8 | 23.6 | 23.0 | 23.8 |
| ĐSO | 110 | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | |
| | 22 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 |
| ĐNO | 110 | 117±2 | | 117±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | |
| | 22 | 23.0 | 23.8 | 23.0 | 23.8 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 |
| ĐRL | 110 | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | |
| | 22 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 |
| ĐRL 2 | 110 | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | | 118±2 | |
| | 22 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 |
| KRN | 110 | 118±2 | | 118±2 | | 115±2 | | 115±2 | | 114±2 | | 117±2 | | 116±2 | | 116±2 | |
| | 22 | 23.2 | 24.0 | 23.2 | 24.0 | 22.6 | 23.4 | 22.6 | 23.4 | 22.4 | 23.2 | 23.0 | 23.8 | 22.8 | 23.6 | 22.8 | 23.6 |